CÔNG TY CỔ PHẦN NASACO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/KH-NSC

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phối hợp tổ chức truyền thông Chăm sóc sức khỏe sinh sản và khám sức khỏe định kỳ trong hệ thống giáo dục

Kính gửi: - Công đoàn Giáo dục Việt Nam.

Lời đầu tiên, **Công ty Cổ phần Nasaco** kính gửi đến **Quý cơ quan** lời chào trân trọng; lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Nhằm thực hiện tốt hơn nữa các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản, hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung và giới thiệu rộng rãi hơn các sản phẩm Chăm sóc Sức khỏe chủ động đến các thầy giáo, cô giáo, những người hoạt động trong ngành Giáo dục. Công ty Cổ phần Nasaco phối hợp tổ chức các chương trình tuyền thông, tư vấn, khám sức khỏe cho đối tượng là cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của cơ sở giáo dục trên địa bàn. Cụ thể như sau:

I. Hỗ trợ chuyên gia truyền thông, tư vấn chăm sóc sức khỏe

Công ty Cổ phần Nasaco tổ chức mời các diễn giả, chuyên gia, bác sĩ với các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn sức khỏe miễn phí cho quý khách hàng. Nội dung cơ bản như sau:

STT	Nội dung
1	Chủ động chăm sóc sức khỏe toàn diện thời hội nhập. Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản trong thời kỳ mới.
2	Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Sức khỏe tình dục; Các Bệnh lây truyền qua đường tình dục. Nhận biết các dấu hiệu bệnh lý thường gặp (bệnh Phụ khoa phổ biến, Viêm âm đạo, Viêm cổ tử cung, Ung thư cổ tử cung…). Thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy và biện pháp phòng, chống.
3	Trang bị kiến thức về tầm soát phát hiện sớm ung thư nói chung cũng như ung thư vú, ung thư cổ tử cung nói riêng. Đưa ra giải pháp chủ động phòng chống.
4	Sức khỏe sinh sản tuổi tiền mãn kinh – Cần chuẩn bị từ khi còn trẻ
5	Chăm sóc sức khỏe sinh sản – Giữ lửa hạnh phúc vợ chồng. Các biện pháp phòng ngừa bệnh tại nhà lành tính an toàn

- Thời gian: 60 – 90 phút.

II. Hỗ trợ chương trình Khám sức khỏe

Công ty Cổ phần Nasaco phối hợp với phòng khám, bệnh viện uy tín tổ chức Chương trình: khám sức khỏe cộng đồng và khám sức khỏe định kỳ theo Thông tư số **32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế** với các đơn vị có nhu cầu. Cụ thể như sau:

1. Chương trình khám sức khỏe cộng đồng

1.1. Tư vấn sức khỏe kiến thức y tế về bệnh ung thư và bệnh không lây nhiễm *(Miễn phí)*

1.2. Khám, xét nghiệm sàng lọc bệnh Ung thư, các bệnh không lây nhiễm

1.2.1. Hỗ trợ khám miễn phí các hạng mục

NỘI DUNG THỰC HIỆN		GIÁ THỊ TRƯỜNG	GIÁ ƯU ĐÃI
TƯ VẤN SỨC KHỎE	Hỏi bệnh sử, khám tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh,,,	200.000	MIỄN PHÍ
ĐO HUYẾT ÁP	Đo chỉ số cơ thể (BMI), mạch, huyết áp,		
ĐO LOÃNG XƯƠNG	Kiểm tra mật độ xương, theo dõi loãng xương, thiếu calci	200.000	
SIÊU ÂM TIỀN LIỆT TUYẾN	Phát hiện các bệnh lý về tiền liệt tuyến (Nam): nang, phì đại, viêm, ung thư,…	200.000	
SIÊU ÂM TỬ CUNG PHẦN PHỤ	Phát hiện các bệnh lý về tử cung phần phụ (Nữ): U nang buồng trứng, nhân xơ tử cung, buồng trứng đa nang,…`	200.000	
SIÊU ÂM Ổ BỤNG	Phát hiện các bệnh lý về gan, đường mật, tuyến tụy, hệ tiết niệu, bệnh lý lách, đường tiêu hóa, dịch trong ổ bụng,…	200.000	
SIÊU ÂM TUYẾN GIÁP	Kiểm tra bằng hình ảnh, phát hiện các bất thường ở tuyến giáp, u, nhân, nang, hạch,…	200.000	
XÉT NGHIỆM	GPT/GOT (Đánh giá chức năng gan)	100.000	
Tổng giá trị khách hàng được Ưu đãi		**1.300.000**	

(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn)

1.2.2. Các nội dung thu phí nếu đối tượng có nhu cầu

No	NỘI DUNG	Ý NGHĨA	GIÁ THỊ TRƯỜNG	GIẢM GIÁ	GIÁ ƯU ĐÃI
I, NHÓM XÉT NGHIỆM CHUYÊN SÂU VÀ TẦM SOÁT UNG THƯ SỚM					
1	AFP	Tầm soát ung thư gan	220,000	20,000	200,000
2	CA 12-5	Tầm soát ung thư buồng trứng	290,000	40,000	250,000
3	CA 15-3	Tầm soát ung thư vú	290,000	40,000	250,000
4	CA 19-9	Tầm soát ung thư mật, tụy	270,000	20,000	250,000
5	CA 72-4	Tầm soát ung thư dạ dày	270,000	20,000	250,000
6	PIVKA II	Marker ung thư biểu mô tế bào gan	1,800,000	200,000	1,600,000
7	PEPSINOGEN	Marker ung thư dạ dày thể teo	1,000,000	200,000	800,000
8	SCC	Tầm soát ung thư tế bào cổ tử cung, vòm họng, thực quản, da	320,000	20,000	300,000
9	Cyfra 21-1	Tầm soát ung thư phổi tế bào không nhỏ	270,000	20,000	250,000
10	NSE	Marker ung thư phổi tế bào nhỏ	300,000	20,000	280,000
11	PSA toàn phần	Tầm soát ung thư tiền liệt tuyến	240,000	20,000	220,000
12	TG	Tầm soát sớm ung thư tuyến giáp thể nhú	320,000	20,000	300,000
13	Anti TG		320,000	20,000	300,000
14	Anti TPO	Chẩn đoán viêm tuyến giáp tự miễn	320,000	20,000	300,000
15	Calcitonin (hCT)	Tầm soát ung thư giáp thể tủy	350,000	20,000	330,000
16	CEA	Tầm soát ung thư đại trực tràng	270,000	20,000	250,000
17	T3, FT4, TSH	Sàng lọc bệnh lý tuyến giáp, theo dõi điều trị, theo dõi tình trạng nhiễm độc	400,000	40,000	360,000

		giáp với bướu giáp lan toả…			
II, NHÓM XÉT NGHIỆM HÓA SINH CƠ BẢN					
1	Glucose	Đường máu tại thời điểm lấy máu	60,000	10,000	50,000
2	HbA1c	Nồng độ đường máu trung bình 90 ngày gần nhất	180,000	30,000	150,000
3	GGT	Đánh giá chức năng gan mật và tổn thương gan do bia, rượu, hóa chất…,,	70,000	10,000	60,000
4	Ure, Creatinine	Chức năng thận	100,000	10,000	90,000
5	Triglycerid, Cholesterol, HDL, LDL	Mỡ máu, rối loạn chuyển hóa lipid máu, Cholesterol tốt, Cholesterol xấu	220,000	20,000	200,000
6	Bilirubin TP, TT, GT	Đường mật, vàng da trước gan, trong gan và sau gan	160,000	20,000	140,000
7	CK TP, CK - MB	Men tim, đánh giá nguy cơ nhồi máu cơ tim	240,000	20,000	220,000
8	Troponin T/ Troponin I	Chẩn đoán nhồi máu cơ tim	600,000	100,000	500,000
9	Albumin, Protein	Theo dõi rối loạn chuyển hóa	120,000	20,000	100,000
10	Acid Uric	Chẩn đoán bệnh Gút	55,000	5,000	50,000
11	Sắt huyết thanh	Thiếu sắt, rối loạn hấp thu sắt, sàng lọc thalasemia…	100,000	20,000	80,000
12	Feritin		180,000	20,000	160,000
13	RF định lượng	Viêm khớp dạng thấp	180,000	30,000	150,000
14	CRP định lượng	Viêm, nhiễm khuẩn…	180,000	20,000	160,000
15	Calci TP, Calci Ion	Thiếu canxi, loãng xương,,,	100,000	10,000	90,000
III, NHÓM XÉT NGIỆM HUYẾT HỌC CƠ BẢN					
1	Công thức máu 24 chỉ số	Tổng phân tích thành phần tế bào máu ngoại vi chẩn đoán thiếu máu, viêm nhiễm, ung thư máu…	120,000	20,000	100,000
2	Nhóm máu ABO/Rh	Định nhóm máu hệ ABO/Rh	110,000	10,000	100,000
IV, NHÓM XÉT NGHIỆM VI KHUẨN, VI RUS, KÝ SINH TRÙNG					
1.	Anti HBs (HbsAb)	Đánh giá nồng độ kháng thể sau tiêm phòng viêm gan B	220,000	20,000	200,000
2.	HbsAg định lượng	Chẩn đoán viêm gan B	220,000	20,000	200,000
3.	Anti Hbe (HbeAb) định lượng	Kháng thể kháng nhân virus	220,000	20,000	200,000
4.	Anti HCV định lượng	Chẩn đoán viêm gan virus C	300,000	30,000	270,000
5.	HBeAg định lượng	Theo dõi diễn biến bệnh nhiễm virus viên gan B	220,000	20,000	200,000
6.	HIV - Combi	Chẩn đoán phơi nhiễm HIV sớm (28 ngày)	220,000	20,000	200,000
7.	HBV - DNA	Đếm số lượng virus viêm gan B	1,200,000	200,000	1,000,000
8.	Soi tươi dịch âm đạo	Tìm tạp khuẩn, nâm,…	250,000	100,000	150,000
9.	Sàng lọc K tử cung (Papmear)	Phát hiện tế bào lạ cổ tử cung và nguy cơ ung thư cổ tử cung,…	400,000	50,000	350,000
10.	HPV cổ tử cung 23 type	Tầm soát ung thư cổ tử cung	1,000,000	200,000	800,000
11.	Điều trị các bệnh lý về cổ tử	Đốt lộ tuyến cổ tử cung,…	2,500,000	500,000	2,000,000

	cung				
V, CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH					
1.	Siêu âm khớp	Chẩn đoán một loạt các chấn thương và bệnh lý như rách cơ, viêm gân, hội chứng ống cổ tay (dây thần kinh giữa bị chèn ép khi đi qua cổ tay), chấn thương cơ chóp xoay vai, phát hiện khối tụ chất lỏng trong mô mềm, tổn thương thần kinh ngoại biên, tràn dịch khớp….	400,000	200,000	200,000
2.	Siêu âm Vú	Kiểm tra bằng hình ảnh, phát hiện các bất thường ở vú, u, nhân, nang, hạch,…	250,000	130,000	120,000

2. Khám sức khỏe định kỳ theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế

2.1. Hỗ trợ khám sức khỏe miễn phí

Khi tham gia khám sức khỏe định kỳ, Công ty Cổ phần Nasaco sẽ hỗ trợ danh mục khám miễn phí. Cụ thể như sau:

STT *(No)*	**DANH MỤC KHÁM** ***(Service Items)***	**GIÁ THỊ TRƯỜNG**	**TOÀN DIỆN (Advanced) Giá ưu đãi**	
			NAM	**NỮ**
ƯU ĐÃI GIÀNH CHO KHÁCH HÀNG				
1	**Lập sổ khám sức khỏe theo thông tư 32 Bộ y tế**	10.000	*Free*	*Free*
2	**Báo cáo cho từng cá nhân**/*Individual report for Employee*	10.000	*Free*	*Free*
3	**Báo cáo tổng kết cho công ty**/*Summary report for Employer*		*Free*	*Free*
4	**Setup khám tại doanh nghiệp**		*Free*	*Free*
5	**ĐO LOÃNG XƯƠNG** (*Kiểm tra xem có bị loãng xương hay có vấn đề gì về xương)*	200.000	*Free*	*Free*
6	**SIÊU ÂM TIỀN LIỆT TUYẾN** *(Phát hiện các bệnh lý về tiền liệt tuyến (nam): nang, phì đại, viêm, ung thư, ...)*	200.000	*Free*	*Free*
7	**SIÊU ÂM TỬ CUNG PHẦN PHỤ** *(Phát hiện các bệnh lý về tử cung phần phụ (nữ): U nang buồng trứng, nhân xơ tử cung, buồng trứng đa nang, ...)*	200.000	*Free*	*Free*
TỔNG CỘNG		**620.000**	***Free***	

(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

2.2. Gói khám sức khỏe theo Thông tư 32/2023/TT-BYT

Gói khám theo giá dịch vụ	**Gói khám được Công ty CP Nasaco hỗ trợ**	
	Nam	**Nữ**
920.000	500.000	500.000
Tỉ lệ hỗ trợ	**45,6%**	**45,6%**

Nội dung chi tiết như sau:

STT	Danh mục khám	Giá niêm yết	Hỗ trợ	Giá ưu đãi
1	**Khám nội tổng quát/** *Full physical assessment* *Khám nội tổng quát : đo chỉ số cơ thể (BMI), mạch, huyết áp, hỏi bệnh sử, khám tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh... Kết luận về sức khỏe.*	250.000	130,000	130,000
2	**Khám Tai- Mũi- Họng/** *Ear - Nose - Throat examination* *Tư vấn và điều trị các bệnh viêm xoang, viêm thanh quản, viêm amidan...*			
3	**Khám chuyên khoa Răng/** *Dental check* *Phát hiện sâu răng mới, viêm lợi, các bệnh răng miệng như sâu răng, viêm quanh răng, viêm nha chu, bệnh về tủy răng ...*			
4	**Khám mắt và Kiểm tra thị lực/** *Optometry* *Phát hiện các bệnh lý về mắt-tư vấn phòng ngừa và điều trị khi có bệnh lý về mắt.*			
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
5	**Chụp xquang tim phổi T (In film với trường hợp bệnh lý)/** *Chest X.Ray/ Phát hiện, theo dõi, điều trị các bệnh lý về phổi*	150.000	120,000	120,000
6	**Siêu âm ổ bụng** *(Phát hiện các bệnh lý về gan, mật, tụy, thận, lách, tử cung phần phụ (nữ), tiền liệt tuyến (nam)...)*	250.000	100,000	100,000
XÉT NGHIỆM (LABORATORY)				
7	**Tổng phân tích máu bằng máy tự động 24 TS/***Complete blood count/Bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu: thiếu máu, suy tuỷ, ung thư máu, sốt do nhiễm trùng, sốt xuất huyết, thành phần bạch cầu.*	120.000	60,000	60,000
8	**Xét nghiệm đường Máu (Glucose)/***Blood fasting glucose Chẩn đoán bệnh đái tháo đường, theo dõi điều trị bệnh nhân bị đái tháo đường; hạ đường huyết*	50.000	30,000	30,000
	Xét nghiệm chức năng Thận: Urea *(Bệnh lý về thận: thiểu năng thận, viêm cầu thận cấp, mạn, tắc mật, sỏi mật...)*	50.000	30,000	30,000
9	**Xét nghiệm chức năng Thận: Creatinine** *(Bệnh lý về thận: thiểu năng thận, viêm cầu thận cấp, mạn, tắc mật, sỏi mật...)*	50.000	30,000	30,000
TỔNG CỘNG		**920.000**	**500,000**	**500,000**

DANH MỤC NGOÀI GÓI KHÁM

STT	Ý NGHĨA	GIÁ THỊ TRƯỜNG	GIẢM GIÁ	GIÁ ƯU ĐÃI
I	**NHÓM XÉT NGHIỆM CHUYÊN SÂU VÀ TẦM SOÁT UNG THƯ SỚM**			
1	**AFP** (Tầm soát ung thư gan)	220,000	20,000	200,000
2	**CA 12-5** (Tầm soát ung thư buồng trứng)	290,000	40,000	250,000
3	**HE4** (Tầm soát ung thư buồng trứng độ đặc hiệu cao)	550,000	50,000	500,000
4	**CA 15-3** (Tầm soát ung thư vú)	290,000	40,000	250,000
5	**CA 19-9** (Tầm soát ung thư mật, tụy)	270,000	20,000	250,000
6	**CA 72-4** (Tầm soát ung thư dạ dày)	270,000	20,000	250,000
7	**CEA** (Tầm soát ung thư đại trực tràng)	270,000	20,000	250,000

8	**PEPSINOGEN** (Marker ung thư dạ dày thể teo)	1.000.000	200,000	800,000
9	**Hp dạ dày IgG+IgM** (Chẩn đoán vi khuẩn HP gây viêm loét dạ dày)	600,000	100,000	500,000
10	**PIVKA II** (Marker ung thư biểu mô tế bào gan)	1.800.000	200,000	1.600.000
11	**SCC** (Tầm soát ung thư tế bào cổ tử cung, vòm họng, thực quản, da)	320,000	20,000	300,000
12	**Cyfra 21-1** (Tầm soát ung thư phổi tế bào không nhỏ)	270,000	20,000	250,000
13	**NSE** (Marker ung thư phổi tế bào nhỏ)	300,000	20,000	280,000
14	**PSA** toàn phần (Tầm soát ung thư tiền liệt tuyến)	240,000	20,000	220,000
15	**TG** (Tầm soát sớm ung thư tuyến giáp thể nhú)	320,000	20,000	300,000
16	**Anti TG** (Chẩn đoán viêm tuyến giáp tự miễ)	320,000	20,000	300,000
17	**Anti TPO** (Chẩn đoán viêm tuyến giáp tự miễn)	320,000	20,000	300,000
18	**Calcitonin (hCT)** (Tầm soát ung thư giáp thể tủy)	350,000	20,000	330,000
19	**Beta2-Microglobulin** (B2M) (Tầm soát sớm ung thư đa U tủy xương, bệnh bạch cầu, lympho, u hạch và chẩn đoán các bệnh rối loạn chức năng thận)	500,000	50,000	450,000
20	**T3, FT4, TSH** (Sàng lọc bệnh lý tuyến giáp, theo dõi điều trị, theo dõi tình trạng nhiễm độc giáp với bướu giáp lan toả…)	400,000	40,000	360,000
II	**NHÓM XÉT NGHIỆM HÓA SINH CƠ BẢN**			
21	**Glucose** (Đường máu tại thời điểm lấy máu)	50,000	10,000	40,000
22	**HbA1C** (Nồng độ đường máu trung bình 90 ngày gần nhất)	180,000	30,000	150,000
23	**GOT/GPT/GGT** (Đánh giá chức năng gan mật và tổn thương gan do bia, rượu, hóa chất…,,)	180,000	20,000	160,000
24	**Ure, Creatinine** (Chức năng thận)	100,000	10,000	90,000
25	**Cholesterol/ Triglycerid/HDL/ LDL** (Mỡ máu, rối loạn chuyển hóa lipid máu, Cholesterol tốt, Cholesterol xấu)	220,000	20,000	200,000
26	**Bilirubin TP, TT, GT** (Đường mật, vàng da trước gan, trong gan và sau gan)	160,000	20,000	140,000
27	**CK TP, CK - MB** (Men tim, đánh giá nguy cơ nhồi máu cơ tim)	240,000	20,000	220,000
28	**Troponin T/Troponin I** (Chẩn đoán nhồi máu cơ tim)	600,000	100,000	500,000
29	**Albumin, Protein** (Theo dõi rối loạn chuyển hóa)	120,000	20,000	100,000
30	**Acid Uric** (Chẩn đoán bệnh Gút)	55,000	5,000	50,000
31	**Sắt huyết thanh/Feritin** (Thiếu sắt, rối loạn hấp thu sắt, sàng lọc thalasemia…)	280,000	40,000	240,000
32	**RF định lượng** (Viêm khớp dạng thấp)	180,000	30,000	150,000
33	**CRP định lượng** (Viêm, nhiễm khuẩn…)	180,000	20,000	160,000
34	**Calci TP, Calci Ion** (Thiếu canxi, loãng xương,,,)	100,000	10,000	90,000
III	**NHÓM XÉT NGIỆM HUYẾT HỌC CƠ BẢN**			
35	**Nhóm máu ABO/Rh** (Định nhóm máu hệ ABO/Rh)	110,000	10,000	100,000
36	**NHÓM XÉT NGHIỆM VI KHUẨN, VI RUS, KÝ SINH TRÙNG**			
37	**Anti HBs (HbsAb)** (Đánh giá nồng độ kháng thể sau tiêm phòng viêm gan B)	220,000	20,000	200,000
38	**HbsAg định lượng** (Chẩn đoán viêm gan B)	220,000	20,000	200,000
39	**Anti Hbe (HbeAb)** (Kháng thể kháng nhân virus)	220,000	20,000	200,000
40	**Anti HCV định lượng** (Chẩn đoán viêm gan virus C)	300,000	30,000	270,000

41	**HBeAg định lượng** (Theo dõi diễn biến bệnh nhiễm virus viên gan B)	220,000	20,000	200,000
42	**HIV - Combi** (Chẩn đoán phơi nhiễm HIV sớm (28 ngày))	220,000	20,000	200,000
43	**HBV - DNA** (Đếm số lượng virus viêm gan B)	1.200.000	200,000	1.000.000
IV	**CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH**			
48	**SIÊU ÂM KHỚP** (Chẩn đoán một loạt các chấn thương và bệnh lý như rách cơ, viêm gân, hội chứng ống cổ tay (dây thần kinh giữa bị chèn ép khi đi qua cổ tay), chấn thương cơ chóp xoay vai, phát hiện khối tụ chất lỏng trong mô mềm, tổn thương thần kinh ngoại biên, tràn dịch khớp….)	400,000	200,000	200,000
49	**SIÊU ÂM TUYẾN GIÁP** (Kiểm tra bằng hình ảnh, phát hiện các bất thường ở tuyến giáp, u, nhân, nang, hạch,…)	250,000	130,000	120,000
50	**SIÊU ÂM VÚ** (Kiểm tra bằng hình ảnh, phát hiện các bất thường ở tuyến vú, u, nhân, nang, hạch,…)	250,000	130,000	120,000

3. Hình thức tổ chức thực hiện:

Đơn vị sẽ tổ chức tư vấn lấy mẫu máu tại chỗ. Kết quả xét nghiệm sẽ được trả theo 02 hình thức:

- Trả online theo số điện thoại quý khách hàng đăng ký.
- Trả bản cứng tại đơn vị lấy mẫu có kèm tư vấn cho từng cán bộ tại cơ quan, trường học trong vòng 03 ngày

4. Thời gian, địa điểm tổ chức

4.1. Thời gian

- Buổi sáng: từ 7h30 - 12h00.
- Buổi chiều: từ 13h30 - 17h00.

4.2. Địa điểm

Tại đơn vị đăng ký khám hoặc tại bệnh viện tùy theo nhu cầu và số lượng của khách hàng.

5. Số lượng người tham dự

- Tối thiểu là 100 người/ buổi.
- Tối đa là 300 người/buổi.

Trên đây là Kế hoạch Phối hợp tổ chức truyền thông Chăm sóc sức khỏe sinh sản và khám sức khỏe định kỳ trong hệ thống giáo, kính mong nhận được sự quan tâm, phối hợp triển khai của Quý đơn vị.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Bà Bùi Thị Yến – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nasaco – Điện thoại: 097 422 36 38. Hotline: 0914 886 887.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NASACO

Bùi Thị Yến